

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC KHI ÁP DỤNG THỦ TỤC RÚT GỌN VỤ ÁN HÌNH SỰ

HỒ NGỌC THẢO*

Thực tiễn áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 còn một số vướng mắc như: Chưa có quy định riêng về thời hạn kháng cáo, kháng nghị và thời hạn chuyển hồ sơ vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn khi có kháng cáo, kháng nghị từ Tòa án cấp sơ thẩm đến Tòa án cấp phúc thẩm; thời hạn tạm giam đối với các bị cáo đang bị tạm giam trong trường hợp phiên tòa rút gọn bị tạm ngừng hoặc bị hoãn...

*Từ khóa: Thủ tục rút gọn; vụ án hình sự; thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Nhận bài: 07/10/2021; biên tập xong: 14/10/2021; duyệt bài: 19/10/2021.*

1. Một số khó khăn, vướng mắc

- Về việc tạm ngừng phiên tòa và hoãn phiên tòa:

Theo khoản 1 Điều 462 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (sau đây gọi tắt là BLTTHS năm 2015), thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục rút gọn là 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án; trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xử thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án. Điều 463 BLTTHS năm 2015 quy định phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán tiến hành; sau phần thủ tục bắt đầu phiên tòa,

Kiểm sát viên công bố quyết định truy tố; các trình tự, thủ tục khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này nhưng không tiến hành nghị án.

Điều 251 BLTTHS năm 2015 quy định: “Việc xét xử có thể tạm ngừng khi thuộc một trong các trường hợp: a) Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa và có thể thực hiện được trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày

* Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

tạm ngừng phiên tòa; b) Do tình trạng sức khỏe, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng không thể tiếp tục tham gia phiên tòa nhưng họ có thể tham gia lại phiên tòa trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên tòa; c) Vắng mặt Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

Thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 05 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, việc xét xử vụ án được tiếp tục. Trường hợp không thể tiếp tục xét xử vụ án thì phải hoãn phiên tòa”.

Quy định trên được áp dụng cho các phiên tòa nói chung, trong đó có phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn. Tuy nhiên, thời gian từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa theo thủ tục rút gọn tối đa chỉ 17 ngày, luật không quy định gia hạn. Do đó, việc tạm ngừng phiên tòa đối với vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn sẽ làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, có thể dẫn đến hoãn phiên tòa; đồng thời phát sinh khó khăn trong việc tạm giam đối với bị cáo.

Khi có căn cứ theo luật định, phiên tòa theo thủ tục rút gọn không thể diễn ra theo dự kiến mà bị hoãn nhưng BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể về thời hạn hoãn, do đó Hội đồng xét xử thực hiện theo thủ tục chung, thời hạn hoãn phiên tòa không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn. Khi phiên tòa được mở lại sau đó lại tiếp tục bị hoãn... thì thời hạn hoãn cũng vẫn là 30 ngày. Với thời hạn như vậy thì mục đích của việc áp dụng thủ tục rút gọn là giải quyết vụ

án nhanh chóng đã không đạt được.

Đồng thời, luật cũng không có quy định về việc hủy bỏ, áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp này, mà theo Điều 458 BLTTHS năm 2015 trong quá trình áp dụng thủ tục rút gọn, nếu một trong các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 456 Bộ luật này không còn hoặc vụ án thuộc trường hợp tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.

- Khi vụ án được xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn sau đó bị cáo kháng cáo hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát:

Điều 456 BLTTHS năm 2015 quy định: “Thủ tục rút gọn được áp dụng trong xét xử phúc thẩm khi có một trong các điều kiện: a) Vụ án đã được áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo; b) Vụ án chưa được áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm nhưng có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ án cho Tòa án. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong các quyết định: Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án. Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm thì trong thời hạn

07 ngày kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án (Điều 464 BLTTHS năm 2015).

Như vậy, thời gian để giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm không quá 22 ngày, không có gia hạn, tổng thời hạn của cả hai cấp sơ thẩm, phúc thẩm tối đa là 64 ngày. Việc quy định thời gian ngắn như vậy nhằm giải quyết nhanh chóng những loại án đơn giản, chứng cứ rõ ràng, sớm khôi phục lại các quan hệ xã hội bị xâm hại; có tác động giáo dục, cải tạo bị cáo và giáo dục cộng đồng một cách có hiệu quả; đồng thời tiết kiệm chi phí vật chất, lợi ích của các chủ thể tham gia tố tụng hình sự, hạn chế lượng án tồn đọng; đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương... Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy định riêng về thời hạn kháng cáo, kháng nghị và thời hạn chuyển hồ sơ vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn khi có kháng cáo, kháng nghị từ Tòa án cấp sơ thẩm đến Tòa án cấp phúc thẩm.

Cụ thể: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (Điều 333 BLTTHS năm 2015). Ngoài ra, nếu có lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà người kháng cáo không thể thực hiện được việc kháng cáo trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì được kháng cáo quá hạn. Điều 337 BLTTHS quy định thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với

bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Như vậy, thời hạn để Tòa án cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án cấp phúc thẩm là 37 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (không tính trường hợp bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa) là quá dài.

- Về thời hạn tạm giam đối với bị cáo khi áp dụng thủ tục rút gọn:

Khoản 3 Điều 459 BLTTHS năm 2015 quy định: Thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra không quá 20 ngày, trong giai đoạn truy tố không quá 05 ngày, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm không quá 17 ngày, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không quá 22 ngày.

Vấn đề đặt ra là, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ được tạm giam bị cáo tối đa 17 ngày, từ ngày thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa xét xử, không có quy định nào cho phép được gia hạn tạm giam. Vậy trong trường hợp phiên tòa bị tạm ngừng hoặc bị hoãn mà bị cáo đang bị tạm giam thì giải quyết như thế nào? Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và quy định pháp luật thì không thể thay đổi, hủy bỏ việc tạm giam đối với bị cáo nên phải tiếp tục tạm giam, nhưng luật không quy định cụ thể thời hạn tạm giam trong trường hợp này. Ngoài ra, trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà bị xử phạt tù nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm

giám để bảo đảm thi hành án thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn bao nhiêu thì chưa có quy định cụ thể. Thông thường, Tòa án áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 BLTTHS năm 2015, bị cáo đang bị tạm giam mà bị xử phạt tù nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. Khoản 2 Điều 329 BLTTHS năm 2015 còn quy định: Trường hợp bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì họ chỉ bị bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội. Trong trường hợp này, thời hạn tạm giam đối với bị cáo cũng là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. Như vậy, có thể thấy thời hạn tạm giam đối với bị cáo trong hai trường hợp nói trên khi áp dụng thủ tục rút gọn là quá dài.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 quy định thủ tục rút gọn được áp dụng trong xét xử phúc thẩm khi vụ án chưa được áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm nhưng có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 456 và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, chưa có quy định về việc tạm giam đối với bị cáo khi Tòa án cấp phúc thẩm quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.

2. Đề xuất, kiến nghị

Từ những khó khăn, vướng mắc nói trên, tác giả đưa ra đề xuất, kiến nghị sửa

đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục rút gọn theo hướng như sau:

Một là, bổ sung quy định về tạm ngừng phiên tòa và hoãn phiên tòa xét xử đối với vụ án áp dụng thủ tục rút gọn, theo đó, việc ngừng phiên tòa không quá 02 ngày, việc hoãn phiên tòa không quá 05 ngày. Trường hợp phải hoãn phiên tòa xét xử lần thứ hai thì hủy bỏ việc áp dụng thủ tục rút gọn. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Điều 458 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 458. Hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này khi có một trong các điều kiện sau:

a) Khi một trong các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 456 của Bộ luật này không còn;

b) Vụ án thuộc trường hợp tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án;

c) Vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định của Bộ luật này;

d) Phiên tòa xét xử vụ án phải hoãn lần thứ hai.

Thời hạn tố tụng của vụ án được tính tiếp theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này kể từ khi có quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn”.

Hai là, thời hạn kháng cáo, kháng nghị đối với bản án được xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn và thời hạn Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa áp cấp

phúc thẩm cũng cần rút ngắn. Do đó, cần bổ sung khoản 4, 5 Điều 463 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 463. Phiên tòa xét xử sơ thẩm

... 4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 5 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 5 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 10 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

5. Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị”.

Ba là, cần quy định về thời hạn tạm giam đối với bị cáo khi áp dụng thủ tục rút gọn như sau:

“Điều 459. Tạm giữ, tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử

... 3. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra không quá 20 ngày, trong giai đoạn truy tố không quá 05 ngày, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm không quá 17 ngày, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không quá 22 ngày.

Trường hợp ngừng phiên tòa, hoãn phiên tòa thì có thể gia hạn tạm giam, thời hạn không quá thời hạn ngừng phiên tòa, hoãn phiên tòa.

4. Thời hạn tạm giam bị cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 329 Bộ luật này là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, thời hạn tạm giam không quá thời hạn xét xử phúc thẩm”. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ...

(Tiếp theo trang 14)

Tòa án nhân dân tối cao và VKSND tối cao hướng dẫn giải quyết án ma túy về: Một số khái niệm cơ bản, các trường hợp cụ thể phạm tội về ma túy; bổ sung căn cứ xác định quả thuộc phiện tươi, quả thuộc phiện khô; giải thích cụ thể về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bổ sung khái niệm “người thụ hưởng là người được tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy mà không phải đóng góp công sức hoặc giá trị vật chất khác”; quy

định rõ, đầy đủ hơn về hành vi “cung cấp chất ma túy” và trường hợp “bê đũa ma túy đi mời người khác sử dụng”; hướng dẫn cụ thể về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong nhóm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, ngoài yếu tố nhân thân (những người nghiện tổ chức ma túy cho nhau sử dụng) cần bổ sung thêm yếu tố hành vi (trường hợp các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy cho nhau mà không có người thụ hưởng) cũng được coi là trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự và bổ sung hướng dẫn những vướng mắc gặp phải trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về ma túy mới phát sinh. □